



Số: 03/2015/TTr-HĐQT- HANOI CITY JSC

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2015

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Ngày 26/11/2014, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 đã thông qua Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015 ("**Luật Doanh Nghiệp 2014**").

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp 2014 và tình hình thực tế hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội ("**Công Ty**"), Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") đã rà soát, xem xét điều chỉnh một số điều khoản trong Điều lệ Công Ty. HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCD**") xem xét và thông qua các điểm sửa đổi, bổ sung đối với Điều lệ Công Ty như nêu dưới đây.

1. **Sửa và bổ sung Điều 1:**

Sửa định nghĩa về "**Luật Doanh Nghiệp**" để phù hợp với Luật Doanh Nghiệp 2014.

Sửa định nghĩa về "**(các) Cổ Đông**" để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014.

Sửa định nghĩa về "**Sổ Đăng Ký Cổ Đông**" để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014.

Sửa định nghĩa về "**Người Có Liên Quan**" để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014.

Bổ sung định nghĩa về "**Kiểm soát viên**" để phù hợp với thuật ngữ sử dụng trong Luật Doanh Nghiệp 2014.

Bổ sung định nghĩa về "**Công Ty Con**" để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014

2. **Sửa Điều 7.2:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014.

3. **Sửa Điều 7.3:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014.

4. **Sửa Điều 8.2(i):** Để phù hợp với thuật ngữ sử dụng trong Luật Doanh Nghiệp 2014.

5. **Sửa Điều 10.2(c):** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014.

6. **Sửa Điều 10.3:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014.

7. **Sửa Điều 10.4(d):** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014.

8. **Sửa Điều 12.2:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014.

9. **Sửa Điều 12.5:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014 về trách nhiệm của chủ sở hữu cổ phiếu khi cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác.

10. **Sửa Điều 12.7:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014.

11. **Sửa Điều 20.2(iii):** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014.

12. **Sửa Điều 20.2(v):** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014.

13. **Bổ sung nội dung Điều 22.2:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014 về trách nhiệm của người triệu tập cuộc họp ĐHĐCD.

14. **Bổ sung nội dung Điều 22.3:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014 về việc gửi các tài liệu họp ĐHĐCD.

15. **Sửa đổi Điều 22.4:** Để phù hợp với Luật Doanh Nghiệp 2014 và thực tế của Công Ty.

16. **Bổ sung Điều 23.1:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014 và thực tế của Công Ty về

việc bầu chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ.

17. **Sửa đổi Điều 23.2:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014 về điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ.
18. **Bổ sung Điều 23.4:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014 về các trường hợp cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
19. **Sửa Điều 24.1.(ii):** Để quy định về hình thức gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời của cổ đông về Công Ty phù hợp với quy định tại Luật Doanh Nghiệp 2014.
20. **Sửa Điều 24.2:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014 về điều kiện để Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua.
21. **Sửa đổi và bổ sung Điều 25.1:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014 về Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.
22. **Sửa đổi Điều 25.3:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014.
23. **Sửa Điều 27.1:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014 và do Luật Doanh Nghiệp 2014 không bắt buộc bầu thành viên HĐQT bằng phương thức bầu dồn phiếu như Luật Doanh Nghiệp 2005.
24. **Sửa Điều 31.5:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014
25. **Sửa Điều 31.8:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014
26. **Sửa Điều 31.10:** Để làm rõ hơn quy định về lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản.
27. **Bổ sung Điều 31.12:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014 về Biên bản họp HĐQT.
28. **Bổ sung Điều 37.1 (ix) và 37.1(x):** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014 về quyền và trách nhiệm của Ban kiểm soát.
29. **Sửa Điều 37.4:** Do Luật Doanh Nghiệp 2014 không bắt buộc bầu Kiểm soát viên bằng phương thức bầu dồn phiếu như Luật Doanh Nghiệp 2005.
30. **Sửa đổi và bổ sung Điều 37.6:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014 về tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên, Trưởng Ban kiểm soát.
31. **Sửa Điều 37.9:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014.
32. **Sửa Điều 45:** Vì Luật Doanh Nghiệp 2014 quy định Doanh Nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Doanh Nghiệp.
33. **Sửa Điều 48.2:** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014.
34. **Sửa Điều 49.2.** Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014.
35. **Sửa Điều 53.1:** Điều chỉnh cho phù hợp.
36. Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ (nhưng không làm thay đổi nội dung các điều, khoản). Nội dung điều chỉnh này giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công Ty rà soát, thực hiện.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung chính đối với Điều lệ của Công Ty được quy định chi tiết tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua Điều lệ mới của Công Ty bao gồm các điều khoản đã được sửa đổi, bổ sung. Điều lệ mới có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2015 và thay thế cho Điều lệ hiện tại ký ngày 25/04/2013 và các bản sửa đổi, bổ sung kèm theo. Giao người đại diện theo pháp luật của Công Ty tổ chức hoàn thiện, ký ban hành Điều lệ mới.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)
MAI HƯƠNG NỘI

Nơi nhận:

- *Như trên;*
- *Lưu Văn phòng Công Ty*

Ghi chú: Tài liệu này có thể được sửa đổi, bổ sung thích hợp và trình ĐHĐCĐ xem xét và quyết định tại Đại hội

PHỤ LỤC
NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
1.		“ <i>Luật Doanh Nghiệp 2005</i> ” hay “ <i>Luật Doanh Nghiệp</i> ” là Luật Doanh Nghiệp được Quốc hội nước Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.	“ <i>Luật Doanh Nghiệp 2014</i> ” hay “ <i>Luật Doanh Nghiệp</i> ” là Luật Doanh Nghiệp được Quốc hội nước Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.	Phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014
		“(các) <i>Cổ đông</i> ” có nghĩa là pháp nhân, cá nhân hoặc bất kỳ tổ chức nào được liệt kê tại Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Công Ty với tư cách là chủ sở hữu của các Cổ phần.	“(các) <i>Cổ Đông</i> ” có nghĩa là cá nhân, pháp nhân hoặc bất kỳ tổ chức nào <u>sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công Ty và tên của họ cùng các thông tin khác mà Pháp Luật yêu cầu được nêu trong</u> được liệt kê tại Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Công Ty với tư cách là chủ sở hữu của các Cổ Phần.	Phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014
		“ <i>Sổ Đăng Ký Cổ Đông</i> ” có nghĩa là Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Công ty được lập và lưu giữ theo quy định tại điều 86 Luật doanh nghiệp.	“ <i>Sổ Đăng Ký Cổ Đông</i> ” có nghĩa là Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Công Ty được lập và lưu giữ theo quy định tại Điều 86 121 Luật Doanh Nghiệp.	Phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014
		“ <i>Người có liên quan</i> ” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây: a) Công ty mẹ, người quản lý Công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với Công ty con; b) Công ty con đối với Công ty mẹ; c) Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua các cơ quan	“ <i>Người Có Liên Quan</i> ” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây: a) Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với Công ty con <u>công ty con trong nhóm công ty;</u> b) Công ty con đối với công ty mẹ <u>trong nhóm công ty;</u> c) Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết	Phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014

	<p>quản lý doanh nghiệp; d) Người quản lý doanh nghiệp; đ) Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý doanh nghiệp hoặc của thành viên, Cổ đông sở hữu phần vốn góp hay Cổ phần chi phối; e) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này; g) Doanh nghiệp trong đó những người quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó; h) Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để đầu tư phần vốn góp, Cổ phần hoặc lợi ích ở Công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty.</p>	<p>định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp; d) Người quản lý doanh nghiệp; đ) Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối; e) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này; g) Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó; h) Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để đầu tư phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.</p>	
	<p>Chưa có định nghĩa “Kiểm soát viên” hoặc “KSV”</p>	<p>Bổ sung định nghĩa: “Kiểm soát viên” hoặc “KSV” có nghĩa là kiểm soát viên của Công Ty.</p>	<p>Phù hợp với thuật ngữ sử dụng trong Luật Doanh Nghiệp 2014</p>
	<p>Chưa có định nghĩa “Công Ty Con”</p>	<p>“Công Ty Con” là bất kỳ Công Ty nào mà trong đó Công Ty (i) sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn Điều Lệ hoặc tổng số Cổ Phần phổ thông đã phát hành, hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, hoặc (iii) có quyền quyết</p>	<p>Phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014</p>

			định việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ của Công Ty đó.	
2.	Điều 7.2	<p>HĐQT sẽ quyết định thời gian, phương thức và giá Cổ phần và số lượng Cổ phần được chào bán. Giá của Cổ phần được chào bán không được thấp hơn giá thị trường vào thời điểm chào bán hoặc giá mới nhất được ghi trong sổ sách kế toán, ngoại trừ các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Cổ phần chào bán cho tất cả các Cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với số Cổ phần của họ hiện đang nắm giữ trong Công ty; (ii) Cổ phần chào bán cho bên môi giới chứng khoán hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành/Công ty chứng khoán. Trong trường hợp này, tỷ lệ chiết khấu và số lượng chiết khấu phải được các Cổ đông đại diện cho 75% cổ phiếu có quyền biểu quyết phê chuẩn; (iii) Trường hợp khác do ĐHĐCĐ quyết định. 	<p>HĐQT quyết định thời gian, phương thức và giá cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán. Giá của Cổ phần được chào bán không được thấp hơn giá thị trường vào thời điểm chào bán hoặc giá mới nhất được ghi trong sổ sách kế toán, ngoại trừ các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Cổ phần chào bán cho tất cả các Cổ Đông theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần họ hiện đang nắm giữ trong Công Ty; (ii) Cổ phần chào bán cho bên môi giới chứng khoán hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành/Công ty chứng khoán. Trong trường hợp này, tỷ lệ chiết khấu và số lượng chiết khấu phải được các Cổ Đông đại diện cho 75% cổ phiếu có quyền biểu quyết phê chuẩn; hoặc (iii) Trường hợp khác do ĐHĐCĐ quyết định. 	Phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014
3.	Điều 7.3	<p>Bất kỳ Cổ phần mới nào dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán tới các Cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ số lượng Cổ phần mà Cổ đông đó đang nắm giữ phù hợp với thủ tục quy định tại Điều 87 của Luật Doanh nghiệp. Việc chào bán phải được thể hiện bằng một thông báo nêu rõ số lượng Cổ phần chào bán, thời hạn hợp lý để Cổ đông đặt mua. Các Cổ đông được quyền chuyển quyền ưu tiên mua Cổ phần của mình cho người khác. Bất kỳ Cổ phần nào không được đặt mua sẽ thuộc quyền kiểm soát bởi HĐQT. HĐQT sẽ chào bán hoặc phân phối quyền chọn mua các Cổ phần đó cho các đối tượng thích hợp, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT cho là</p>	<p><u>Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác</u>, bất kỳ Cổ Phần <u>phổ thông</u> dự kiến phát hành nào sẽ được ưu tiên chào bán tới các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ Cổ Phần quy định tại Điều 87 <u>Điều 124</u> của Luật Doanh Nghiệp. Việc chào bán phải được thể hiện bằng một thông báo nêu rõ số lượng cổ phần chào bán, thời hạn hợp lý để Cổ Đông đăng ký mua <u>chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần</u>. Các Cổ Đông được quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác. Số cổ phần Cổ Đông không đăng ký mua hết sẽ thuộc quyền kiểm soát của</p>	Phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014

		phù hợp, song không được ưu đãi hơn các điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ khi được ĐHĐCĐ quyết định khác hoặc trong trường hợp Cổ phần được bán qua Thị trường Giao dịch Chứng khoán.	HĐQT. HĐQT sẽ chào bán hoặc phân phối quyền chọn mua các cổ phần đó cho các đối tượng thích hợp, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT cho là phù hợp, nhưng không được ưu đãi hơn các điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông, trừ khi được ĐHĐCĐ chấp thuận hoặc trong trường hợp Cổ Phần được bán qua Thị trường Giao dịch Chứng khoán.	
4.	Điều 8.2 (i)	Tuân thủ Điều lệ của Công ty, các quyết định của HĐQT và nghị quyết của ĐHĐCĐ.	Tuân thủ Điều Lệ của Công Ty, các quyết định Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết của ĐHĐCĐ ;	Phù hợp thuật ngữ sử dụng trong Luật Doanh Nghiệp 2014
5.	Điều 10.2 (c)	Được ưu tiên mua Cổ phần mới phát hành của Công ty theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phần của mình trong Công ty	Được ưu tiên mua cổ phần mới phát hành mới chào bán của Công Ty theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình trong Công Ty;	Phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014
6.	Điều 10.3	Một Cổ đông hoặc nhóm các Cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số Cổ phần Phổ thông liên tục từ sáu (6) tháng trở lên có các quyền sau: a. Đề cử thành viên vào HĐQT và BKS; b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính hàng năm chuẩn bị theo mẫu của Chế độ kế toán Việt Nam và các báo cáo của BKS; c. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 79 Luật Doanh nghiệp; d. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến	Một Cổ Đông hoặc nhóm các Cổ Đông nắm giữ sở hữu từ 10% tổng số Cổ Phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất liên tục từ sáu (6) tháng ngoài các quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 10.2 và 10.4 của Điều này còn có các quyền sau: a. Đề cử thành viên vào HĐQT và BKS; b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm chuẩn bị theo mẫu của Chế độ Hệ thống Kế toán Việt Nam và các báo cáo của BKS; c. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp	Phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014

		<p>quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và tuân theo các quy định của Mục d Khoản 2 Điều 79 Luật Doanh nghiệp; và</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>quy định tại Điều 79.3 Điều 114.3 Luật Doanh Nghiệp;</p> <p>d. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và tuân theo các quy định của Điều 79.2(4) Điều 114.2(d) Luật Doanh Nghiệp; và</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.</p>	
7.	Điều 10.4 (d)	<p>Không được rút vốn đã góp bằng Cổ phần ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại Cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn Cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị Cổ phần đã bị rút;</p>	<p>Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên HĐQT Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;</p>	<p>Phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014</p>
8.	Điều 12.2	<p>Mọi Chứng chỉ Cổ phiếu được phát hành với chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu của Công ty. Chứng chỉ Cổ phiếu tối thiểu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Mọi chứng chỉ cổ phiếu được phát hành với chữ ký của người đại diện hợp pháp theo pháp luật và dấu của Công Ty (nếu có), theo hình thức phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu tối thiểu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp nêu rõ số lượng, loại cổ phần và số tiền đã thanh toán cổ phần đó, tên của Cổ Đông và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.</p>	<p>Phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014</p>
9.	Điều 12.5	<p>Nếu Chứng chỉ Cổ phiếu bị hư hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị xem là bị rơi, mất, hoặc tiêu hủy, một Chứng chỉ Cổ phiếu mới ghi nhận số Cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ</p>	<p>Nếu chứng chỉ Cổ phiếu bị hư hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị xem là bị rơi, mất, hoặc tiêu hủy, một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số Cổ Phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo</p>	<p>Để Phù hợp với quy định</p>

		theo yêu cầu của người đó với điều kiện là người đó phải nộp lại cho Công ty giấy chứng nhận cũ, hoặc (trong trường hợp bị xem là bị rơi, mất, hoặc tiêu hủy) tuân thủ các điều kiện đặt ra theo quy định của Luật doanh nghiệp, và (trong bất kỳ trường hợp nào phía trên) phải chịu chi phí của Công ty theo quyết định của HĐQT.	yêu cầu của người đó, với điều kiện là người đó phải nộp lại cho Công Ty chứng chỉ cổ phiếu cũ, hoặc (trong trường hợp bị xem là bị rơi, mất, hoặc tiêu hủy) tuân thủ các điều kiện đặt ra liên quan <u>về chứng cứ và bồi hoàn</u> , và (trong bất kỳ trường hợp nào phía trên) phải chịu chi phí của Công Ty theo <u>Nghi quyết</u> của HĐQT. <u>Người nắm giữ chứng chỉ Cổ phiếu có trách nhiệm duy nhất trong việc bảo quản, giữ gìn giấy chứng nhận. Công Ty không có bất kỳ trách nhiệm nào đối với việc mất mát hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo của chứng chỉ cổ phiếu đó. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam (10.000.000 VND), chủ sở hữu cổ phiếu phải đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công Ty cấp cổ phiếu mới.</u>	của Luật Doanh Nghiệp 2014 về trách nhiệm của Chủ sở hữu cổ phiếu khi cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác.
10.	Điều 12.7	Liên quan tới Cổ phần Ưu đãi, ngoài các quy định nêu trên, thì Chứng chỉ Cổ phiếu còn phải nêu rõ các hình thức ưu đãi của Cổ phần đó và/hoặc các nội dung khác theo quy định của Điều 82 và/hoặc Điều 83 Luật Doanh nghiệp.	Liên quan tới Cổ Phần ưu đãi, ngoài các quy định nêu trên, thì chứng chỉ cổ phiếu còn phải nêu rõ các hình thức ưu đãi của Cổ Phần đó và/hoặc các nội dung khác theo quy định của Điều 82 <u>Điều 117</u> và 83 <u>Điều 118</u> Luật Doanh Nghiệp.	Phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014
11.	Điều 20.2 (iii)	Khi số lượng thành viên HĐQT ít hơn số lượng quy định bởi Pháp luật hoặc ít hơn số lượng quy định tại Điều lệ này;	Khi số lượng thành viên HĐQT, <u>BKS</u> ít hơn số lượng quy định bởi Pháp luật hoặc <u>số lượng HĐQT</u> ít hơn <u>một nửa (1/2)</u> số lượng quy định tại Điều Lệ này;	Phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014
12.	Điều 20.2 (v)	BKS yêu cầu triệu tập họp nếu có lý do tin rằng thành viên của HĐQT đã vi phạm nghiêm trọng các trách nhiệm của họ tại Điều 108 Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT đã hành động hoặc	BKS yêu cầu triệu tập họp nếu có lý do tin rằng thành viên của HĐQT đã vi phạm nghiêm trọng các trách nhiệm của họ tại Điều 108 <u>Điều 149</u> Luật Doanh Nghiệp hoặc HĐQT đã hành động	Phù hợp Luật Doanh

		có ý định hành động vượt quyền hạn cho phép. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu trên.	hoặc có ý định hành động vượt quyền hạn cho phép. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu trên	Nghị quyết 2014
13.	Điều 22.2	<p>Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ phải thực hiện các công việc sau:</p> <p>(i) Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ tư cách tham gia và biểu quyết tại cuộc họp, chương trình, nội dung họp, các tài liệu cần thiết theo quy định của Luật doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Xác nhận thời gian và địa điểm họp; và</p> <p>(iii) Gửi thông báo mời họp cho các Cổ đông.</p>	<p>Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ phải thực hiện các công việc sau:</p> <p>(i) Chuẩn bị danh sách các Cổ Đông đủ tư cách tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội <u>không sớm hơn 05 (năm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ</u>; chương trình họp, nội dung họp và các tài liệu cần thiết theo quy định <u>Pháp Luật và Điều Lệ này</u>;</p> <p><u>(ii) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông;</u></p> <p><u>(iii) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</u></p> <p><u>(iv) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</u></p> <p><u>(v) Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</u></p> <p>(vi) Xác nhận thời gian và địa điểm họp; và</p> <p>(vii) <u>Thông báo và</u> gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ cho tất cả các Cổ Đông <u>có quyền dự họp.</u></p>	Đề phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014 về trách nhiệm của người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ.
14.	Điều 22.3	<p>Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông; thời gian và địa điểm họp.</p> <p>Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện</p>	<p>Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp <u>mã số Doanh Nghiệp</u>; tên, địa chỉ thường trú của Cổ Đông, thời gian, địa điểm họp <u>và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</u> <u>Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông ghi trong danh sách Cổ Đông</u></p>	Đề phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014 về việc gửi

		<p>theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>Nếu Công ty có trang thông tin điện tử thì thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.</p>	<p><u>có quyền dự họp đồng thời đăng</u> trên trang thông tin điện tử của Công Ty ít nhất mười (10) ngày làm việc (không bao gồm ngày thông báo và ngày tiến hành cuộc họp) (hoặc ít nhất mười lăm (15) ngày trong trường hợp thời hạn mười (10) ngày làm việc nói trên ít hơn mười lăm (15) ngày) trước ngày tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ.</p> <p><u>Các tài liệu họp kèm thông báo mời họp ĐHĐCĐ sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty bao gồm: (i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; (ii) Phiếu biểu quyết; và (iii) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi tới các Cổ Đông như quy định tại Khoản này sẽ ghi rõ nơi và cách thức tải tài liệu họp. Công Ty sẽ gửi tài liệu họp cho Cổ Đông nếu Cổ Đông yêu cầu.</u></p>	<p>các tài liệu họp ĐHĐCĐ.</p>
15.	Điều 22.4	<p>Các Cổ đông có quyền đề nghị các vấn đề cần được đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề nghị phải được làm thành văn bản và gửi tới Công ty ít nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc. Đề nghị phải có tên của Cổ đông, số lượng và loại Cổ phần nắm giữ, và các vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Các Cổ Đông có quyền đề nghị các vấn đề cần được đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề nghị phải được làm thành văn bản và gửi tới Công Ty ít nhất năm (05) 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Đề nghị phải có tên của Cổ Đông, số lượng và loại Cổ Phần nắm giữ, và các vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Để phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014 và thực tế của Công Ty</p>
16.	Điều 23.1	<p>Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa, trường hợp Phó Chủ tịch cũng vắng mặt thì Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác của HĐQT để làm chủ tọa ĐHĐCĐ. Trong trường hợp không</p>	<p>Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐQT <u>hoặc người được ĐHĐCĐ bầu ra sẽ làm chủ tọa. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì Đại hội, thành viên HĐQT chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra</u></p>	<p>Để phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014 về</p>

		<p>có thành viên nào của HĐQT được ủy quyền, thì người triệu tập họp sẽ chủ trì cuộc họp. Chủ tọa cuộc họp sẽ chỉ định một Ban thư ký để ghi biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.</p>	<p><u>Chủ tọa của ĐHĐCĐ, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên HĐQT, Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được ĐHĐCĐ bầu ra đề cử một hoặc một số thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển Đại hội bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.</u></p>	<p>việc bầu chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ.</p>
17.	Điều 23.2	<p>ĐHĐCĐ được coi là triệu tập hợp lệ khi có số Cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết có mặt. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết;</p> <p>Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ đông dự họp và tỷ lệ số Cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông dự họp.</p>	<p>ĐHĐCĐ được coi là triệu tập hợp lệ khi có số Cổ Đông đại diện cho ít nhất 65% 51% tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết có mặt. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, Đại hội phải triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ Đông và những đại diện ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% 33% tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết. Trường hợp ĐHĐCĐ lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết <u>trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội</u>, ĐHĐCĐ lần thứ ba phải được triệu tập lại trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ hai và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ Đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có</p>	<p>Để phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014 về điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ.</p>

			thể phê chuẩn.	
18.	Điều 23.4	Không quy định	<u>Ngoài các trường hợp như quy định nêu trên, Cổ Đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này trong trường hợp Cổ Đông bỏ phiếu thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử</u>	Để phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014 về các trường hợp cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ
19.	Điều 24.1 (ii)	Trong trường hợp phê duyệt thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, HĐQT thực hiện theo trình tự, thủ tục như sau: <ul style="list-style-type: none"> Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến (phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung sau: (i) tên, địa chỉ của trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty, (ii) mục đích lấy ý kiến, (iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức; số lượng Cổ phần của từng loại 	<u>Không phụ thuộc vào Điều 145 Luật Doanh Nghiệp, t</u> trong trường hợp phê duyệt thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, <u>Chủ tịch</u> HĐQT phải thực hiện các nhiệm vụ sau: <ul style="list-style-type: none"> Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến (phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung sau: (i) tên, địa chỉ của trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh Nghiệp của Công Ty, (ii) mục đích lấy ý kiến, (iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số <u>Thẻ căn cước công dân</u>, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký Doanh Nghiệp của Cổ Đông hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ 	Để quy định về hình thức gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời của cổ đông về Công Ty phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014

	<p>và số phiếu biểu quyết của Cổ đông; (iv) vấn đề cần lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo; (v) thời hạn để gửi ý kiến cho Công ty; và (vi) phương án biểu quyết “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”; (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Gửi phiếu lấy ý kiến cùng với các tài liệu khác có liên quan cho tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết; ▪ Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của Cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức; ▪ Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được để trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến, bị sửa chữa, tẩy xóa, đánh dấu, thêm ký hiệu hoặc đã bị mở đều không hợp lệ; ▪ Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, hoặc một hoặc một số thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền/phân công tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện BKS hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty; Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác; 	<p>chức; số lượng Cổ Phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông; (iv) vấn đề cần lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo; (v) thời hạn để gửi ý kiến cho Công Ty; và (vi) phương án biểu quyết “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”; (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công Ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Gửi phiếu lấy ý kiến cùng với các tài liệu <u>bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông ghi trong danh sách Cổ Đông có quyền lấy ý kiến văn bản, cho tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty ít nhất mười (10) ngày làm việc (không bao gồm ngày thông báo và ngày phải gửi lại phiếu lấy ý kiến) (hoặc ít nhất mười lăm (15) ngày trong trường hợp thời hạn mười (10) ngày làm việc nói trên ít hơn mười lăm (15) ngày) trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Các tài liệu kèm theo phiếu lấy ý kiến được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty bao gồm: (i) Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ; (ii) Các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Phiếu lấy ý kiến được gửi tới các Cổ Đông như quy định tại Khoản này sẽ ghi rõ nơi và cách thức tải tài liệu. Công Ty sẽ gửi tài liệu kèm theo phiếu lấy ý kiến cho Cổ Đông nếu Cổ Đông yêu cầu.</u> ▪ Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức; ▪ <u>Cổ Đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời về Công Ty</u> 	
--	--	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các Cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu ▪ Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; ▪ Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ. 	<p><u>theo một trong các hình thức sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ <u>Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức. Phiếu lấy ý kiến đã trả lời</u> phải được để trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến, bị sửa chữa, tẩy xóa, đánh dấu, thêm ký hiệu hoặc đã bị mở đều không hợp lệ; ▪ <u>Gửi fax hoặc thư điện tử đăng ký chính thức của Công Ty: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</u> ▪ Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công Ty, hoặc một hoặc một số thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền/phân công tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến giám sát của đại diện BKS hoặc của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty; Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác; ▪ Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, và gửi đến các Cổ Đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; 	
--	---	--	--

			<ul style="list-style-type: none"> ▪ Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty; ▪ Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ. 	
20.	Điều 24.2	<p>Các quyết định của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi:</p> <p>(i) Trừ các trường hợp quy định tại đoạn (ii) và (iii) dưới đây, quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi có số Cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận;</p> <p>(ii) Nghị quyết về các vấn đề sau phải được sự đồng ý của các Cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản :</p> <p>(A) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p> <p>(B) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</p> <p>(C) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>(D) Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.</p> <p>(iii) ĐHĐCĐ thông qua mọi quyết định thuộc thẩm</p>	<p>Các Nghị quyết định của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi:</p> <p>(i) Trừ trường hợp quy định tại Khoản (ii) dưới đây, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi có từ 65% 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (<u>trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51%</u> 75% <u>tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản)</u>).</p> <p>(ii) Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% 51% tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản).</p> <p>(A) Loại và số lượng Cổ Phần chào bán, chuyển nhượng của từng loại;</p> <p><u>(B) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</u> <u>(C) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công Ty;</u></p>	<p>Để phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014 về điều kiện thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ.</p>

		quyền dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, và trong trường hợp này, quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.	(D) Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Công Ty; (E) <u>Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;</u> (F) Tổ chức lại hoặc giải thể Công Ty.	
21.	Điều 25.1	<p>Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</p> <p>b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;</p> <p>c) Chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) Chủ tọa và thư ký;</p> <p>đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>g) Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số Cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>h) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;</p> <p>i) Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>k) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p>	<p><u>Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tùy thuộc vào quyết định của ĐHĐCĐ tại từng thời điểm. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lưu trong sổ Biên bản của Công Ty.</u> Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và có các thông tin cơ bản sau:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh <u>mã số Doanh Nghiệp</u> của Công Ty;</p> <p>b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;</p> <p>c) Chương trình và nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ;</p> <p>d) Chủ tọa và thư ký;</p> <p>e) Tóm tắt diễn biến và các ý kiến nêu ra tại cuộc họp ĐHĐCĐ;</p> <p>f) <u>Số Cổ Đông</u> và tổng số phiếu của các Cổ Đông có mặt tại cuộc họp, <u>phụ lục danh sách đăng ký Cổ Đông, đại diện Cổ Đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</u></p> <p>g) Tổng số phiếu biểu quyết cho từng vấn đề <u>biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu</u></p>	<p>Để phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014 về Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.</p>

		Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.	<p><u>quyết của Cổ Đông dự họp</u>; và</p> <p>h) <u>Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng</u></p> <p>i) Tên đầy đủ, chữ ký của Chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.</p>	
22.	Điều 25.3	<p>Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và phải được gửi cho tất cả Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.</p> <p>Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và phải được gửi cho tất cả Cổ Đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp <u>kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc.</u> Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	Phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014
23.	Điều 27.1	<p>HĐQT có không ít hơn ba thành viên, không quá mười một thành viên. Ít nhất một nửa (1/2) số thành viên HĐQT phải thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số</p>	<p><u>Số thành viên của</u> HĐQT sẽ không ít hơn ba (3) người và không nhiều hơn mười một (11) người (<u>hoặc một số lượng khác phù hợp với Pháp luật tại từng thời điểm</u>). <u>Thành viên của HĐQT không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty hoặc có quốc tịch Việt Nam và cần đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 151 Luật Doanh Nghiệp.</u> Ít nhất một nửa (1/2) số thành viên HĐQT phải thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (5) năm. Tổng số thành viên HĐQT độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập không điều hành được xác định theo</p>	Phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014 và Do Luật Doanh Nghiệp 2014 không bắt buộc bầu

		phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một (1) hoặc một số ứng cử viên.	phương thức làm tròn xuống. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu <u>phổ thông đầu phiếu hoặc bầu dồn phiếu, tùy theo quyết định hoặc quy chế bầu cử do ĐHCĐ phê duyệt tùy từng thời điểm.</u> theo đó mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ Phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT và Cổ Đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một (1) hoặc một số ứng cử	thành viên HĐQT bằng phương thức bầu dồn phiếu như Luật Doanh Nghiệp 2005.
24.	Điều 31.5	Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.	Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn mười lăm ngày <u>bảy (07)</u> ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.	Phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014
25.	Điều 31.8	Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần đầu không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở	Cuộc họp chỉ được tiến hành <u>và thông qua các nghị quyết</u> khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên của HĐQT có mặt trực tiếp <u>hoặc thông qua thành viên thay thế.</u> Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) <u>bảy (07)</u> ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp. Các thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức bỏ phiếu <u>thông qua thư, fax, thư điện tử.</u> Những phiếu bằng văn bản phải được gửi tới Chủ tịch HĐQT, <u>những phiếu thông qua fax, thư điện tử phải được</u>	Phù hợp Luật Doanh Nghiệp 2014

		<p>trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.</p>	<p><u>gửi đến hòm thư chính thức hoặc số fax chính thức của Công Ty</u> ít nhất một (1) tiếng trước thời gian quy định tại buổi họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.</p>	
26.	Điều 31.10	<p>Họp thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT có quyền biểu quyết bằng văn bản theo các thủ tục sau:</p> <p>(i) Gửi thông báo lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo các tài liệu có liên quan đến việc thông qua Nghị quyết cho các thành viên HĐQT; và</p> <p>(ii) Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT ghi trong Thông báo lấy ý kiến;</p> <p>(iii) Chủ tịch HĐQT cử ra Ban kiểm phiếu do Chủ tịch HĐQT làm Trưởng ban, 01 thành viên HĐQT và TGD là ủy viên để kiểm tra kết quả kiểm phiếu;</p> <p>(iv) Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết và Quyết định của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua.</p> <p>Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ</p>	<p>Họp thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:: Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT có quyền biểu quyết bằng văn bản theo các thủ tục sau:</p> <p>(i) Gửi thông báo lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo các tài liệu có liên quan đến việc thông qua Nghị quyết cho các thành viên HĐQT; và</p> <p>(ii) Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT ghi trong Thông báo lấy ý kiến;</p> <p>(iii) Chủ tịch HĐQT cử ra Ban kiểm phiếu do Chủ tịch HĐQT làm Trưởng ban, 01 thành viên HĐQT và TGD là ủy viên để kiểm tra kết quả kiểm phiếu <u>hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền tiến hành kiểm phiếu với sự giúp việc của Thư ký HĐQT và dưới sự giám sát của ít nhất một (01) thành viên HĐQT;</u></p> <p>(iv) Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết và Quyết định của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua.</p> <p>Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được</p>	<p>Để làm rõ hơn quy định về lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản.</p>

			các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.	
27.	Điều 31.12	<u>Không quy định về Biên bản cuộc họp HĐQT</u>	<u>Bổ sung nội dung Biên bản cuộc họp HĐQT như sau:</u> Biên bản cuộc họp. <u>Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.</u> Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm lập biên bản cuộc họp HĐQT và gửi chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt, và phải được ký nhận bởi chủ toạ cuộc họp và người ghi biên bản tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp , trừ trường hợp thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. <u>Trong trường hợp cần thiết, biên bản cuộc họp HĐQT sẽ được lập hoặc/và dịch sang tiếng nước ngoài.</u>	Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014 về Biên bản họp HĐQT.
28.	Bổ sung Điều 37.1 (ix) và 37.1 (x)	Không quy định	<u>(ix) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công Ty;</u> <u>(x) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công Ty.</u> <u>(xi) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.</u>	Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014 về quyền và trách nhiệm của Ban Kiểm

				soát.
29.	Điều 37.4	<p>Một Cổ đông hoặc nhóm các Cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số Cổ phần Phổ thông liên tục từ sáu (6) tháng trở lên có quyền đề cử thành viên vào BKS theo tỷ lệ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên được đề cử 01 thành viên. - Quyền đề cử thành viên vào BKS của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông khác: thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành. 	<p>Một Cổ đông hoặc nhóm các Cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số Cổ phần Phổ thông liên tục từ sáu (6) tháng trở lên có quyền đề cử thành viên vào BKS theo tỷ lệ như sau:</p> <p>—Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên được đề cử 01 thành viên.</p> <p>—Quyền đề cử thành viên vào BKS của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông khác: thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.</p> <p><u>Việc biểu quyết bầu KSV được thực hiện theo phương thức bầu phổ thông đầu phiếu hoặc bầu dồn phiếu, tùy theo quyết định hoặc quy chế bầu cử do ĐHDCĐ phê duyệt tùy từng thời điểm.</u></p>	<p>Do Luật Doanh Nghiệp 2014 không bắt buộc bầu Kiểm soát viên bằng phương thức bầu dồn phiếu như Luật Doanh Nghiệp 2005</p>
30.	Điều 37.6	<p>Thành viên BKS phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại điều 13 khoản 2 Luật Doanh nghiệp; b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác. c) Thành viên BKS không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên BKS không nhất thiết phải là Cổ 	<p>KSV phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) <u>Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý Doanh Nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;</u> b) <u>Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, TGD và người quản lý Công Ty;</u> c) <u>Không được giữ các chức vụ quản lý Công Ty; không nhất thiết phải là Cổ Đông hoặc người lao động của Công Ty; và</u> 	<p>Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014 về tiêu chuẩn và điều kiện của</p>

		<p>đồng hoặc người lao động của Công ty.</p> <p>d) BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam</p> <p>e) Phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p>	<p><u>d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác (nếu có) theo quyết định của pháp luật liên quan và ĐHDCĐ tại từng thời điểm.</u></p>	<p>Kiểm soát viên, Trưởng Ban kiểm soát.</p>
31.	Điều 37.9	<p>Tư cách thành viên BKS bị chấm dứt trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Nếu thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại điều 122 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Nếu thành viên đó gửi thông báo từ chức tới trụ sở chính của Công ty;</p> <p>(iii) Có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thành viên bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần, không đủ năng lực hành vi dân sự;</p> <p>(iv) Nếu thành viên đó trong mười hai tháng liên tiếp vắng mặt trong các cuộc họp của BKS mà không được phép của BKS;</p> <p>(v) Bất cứ khi nào theo quyết định của ĐHDCĐ.</p>	<p>Tư cách KSV bị chấm dứt trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Nếu thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn điều kiện làm KSV theo quy định tại Điều 122 Điều 164 Luật Doanh Nghiệp;</p> <p>(ii) Nếu thành viên đó gửi thông báo từ chức tới trụ sở chính của Công Ty;</p> <p>(iii) Thành viên bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của BKS nhận thấy thành viên đó không đủ năng lực hành vi;</p> <p>(iv) Nếu thành viên đó trong mười hai sáu tháng (06) (12) liên tiếp vắng mặt trong các cuộc họp của BKS mà không được phép của BKS.</p> <p>(v) Thành viên đó bị cách chức KSV theo quyết định của ĐHDCĐ Công Ty.</p>	<p>Đề phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014.</p>
32.	Điều 45	<p>1. Con dấu của Công ty được ban hành theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và là tài sản của Công ty.</p> <p>2. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm quản lý Con dấu phù hợp với quy định Pháp luật hiện hành.</p>	<p>1. Con dấu của Công ty được ban hành theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và là tài sản của Công ty.</p> <p><u>HDQT sẽ quyết định sử dụng Con dấu chính thức của Công Ty từ từng thời điểm và HDQT có thể xác định, phù hợp với quy định Pháp luật, nội dung của Con dấu.</u></p> <p>2. Người đại diện theo pháp luật Công Ty chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng Con dấu phù hợp với quy định Pháp luật hiện hành.</p>	<p>Luật Doanh Nghiệp 2014 quy định Doanh Nghiệp có quyền quyết định</p>

				về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Doanh Nghiệp.
33.	Điều 48.2	Quyết định giải thể Công ty trước thời hạn (hoặc gia hạn) phải được ĐHĐCĐ thông qua và được HĐQT thực hiện, và phải được thông báo tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin phê chuẩn nếu cần thiết. Thủ tục giải thể được thực hiện phù hợp với quy định của Điều 158 của Luật Doanh nghiệp.	<u>Nghị</u> quyết định giải thể Công Ty trước thời hạn (hoặc gia hạn) phải được ĐHĐCĐ thông qua và được HĐQT thực hiện, và phải được thông báo tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin phê chuẩn nếu cần thiết. Thông báo này phải được thực hiện phù hợp với quy định của Điều 158 202 của Luật Doanh Nghiệp.	Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014.
34.	Điều 49.2	Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn bằng một Nghị quyết có hiệu lực được các Cổ Đông đại diện cho ít nhất 75% số Cổ Phần phổ thông có quyền biểu quyết có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn bằng một Nghị quyết có hiệu lực được các Cổ Đông đại diện cho ít nhất 65 51% số Cổ Phần phổ thông có quyền biểu quyết có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Để phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp 2014.
35.	Điều 53.1	Điều lệ này gồm 17 chương với 53 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Điều lệ này gồm 17 chương với 53 Điều, <u>là bản Điều Lệ hợp pháp và chính thức của Công Ty, thay thế các bản trước đây.</u> Điều Lệ này được ĐHĐCĐ Công Ty thông qua <u>ngày tháng năm 2015</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ này. <u>Điều Lệ này có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2015.</u>	Điều chỉnh cho phù hợp.